**10. Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố).**

**a) Trình tự thực hiện** (khoản 2, Điều 51, Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016)

**- Bước 1.** Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường (số 63 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1) trong các ngày làm việc, từ thứ hai đến thứ sáu, buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.

**- Bước 2.** Kiểm tra hồ sơ

Trong thời gian không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

**- Bước 3.** Thẩm định hồ sơ

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản, kể cả kiểm tra thực địa.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.

**- Bước 4.** Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn giấy phép

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, kể từ ngày hoàn thành các công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phép.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

**- Bước 5.** Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép gia hạn khai thác khoáng sản từ Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Khi đến nhận kết quả, người đến nhận phải xuất trình biên nhận hồ sơ.

**b) Cách thức thực hiện**: Trực tiếp tại trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ** (Khoản 2 Điều 59 Luật khoáng sản năm 2010, Khoản 2 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016)

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn; báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết hồ sơ** (Điều 65 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016): 50 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

**h) Phí, lệ phí** (Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính)

Mức thu lệ phí cấp phép gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được tính bằng 50% mức lệ phí tương ứng với các mức thu đối với các trường hợp cấp phép theo biểu mức thu lệ phí kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản** | **Mức thu** (đồng/giấy phép) |
| 1 | Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối |  |
| a | Có công suất khai thác dưới 5.000 m3/năm | 500.000 |
| b | Có công suất khai thác từ 5.000 m3 đến 10.000 m3/năm | 5.000.000 |
| c | Có công suất khai thác trên 10.000 m3/năm | 7.500.000 |
| 2 | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp |  |
| a | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm | 7.500.000 |
| b | Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này | 10.000.000 |
| c | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này | 15.000.000 |
| 3 | Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng | 20.000.000 |
| 4 | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này |  |
| a | Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp | 20.000.000 |
| b | Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp | 25.000.000 |
| 5 | Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này | 30.000.000 |
| 6 | Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm | 40.000.000 |
| 7 | Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại | 50.000.000 |

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** (Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016)

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản được xem xét gia hạn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày và khi Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 15 ngày; trong đó giải trình rõ lý do đề nghị gia hạn;

+ Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản từ khi được cấp phép khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản đối với Giấy phép khai thác khoáng sản; các điểm c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55, điểm a khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản đối với Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;

+ Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan;

+ Tại thời điểm đề nghị gia hạn, kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo phải phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã phê duyệt theo quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 1 Điều 10 Luật khoáng sản.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

*Mẫu số 08*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *....., ngày... tháng... năm...* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……….. ) |

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:………………………………………, Fax

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã………………….., huyện………….., tỉnh……….. theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ……. ngày …. tháng …… năm …….. của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: ………….. (tấn, m3,……).

Trữ lượng còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn:………… (tấn, m3,……).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: …….năm, đến ngày ... tháng ... năm...

Lý do đề nghị gia hạn

(có kế hoạch khai thác kèm theo).

(Tên tổ chức, cá nhân) ………………….. cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức, cá nhân làm đơn** (Ký tên, đóng dấu) |

Mẫu số 36

|  |  |
| --- | --- |
| **(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN) -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số ……/…….. | *Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....* |

**BÁO CÁO (ĐỊNH KỲ)  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN *NĂM***

Kính gửi: ………………..

**I. Phần chung**

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác: …………………………..;

2. Loại hình doanh nghiệp:……………….. (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);

*Đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố …….. cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số …. ngày ….. tháng ….. năm …. của ……..).*

3. Địa chỉ: ………………;

Điện thoại: ………………; Fax: …………………….;

4. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên………………………….;

- Năm sinh………………………….;

- Trình độ chuyên môn………………..

**II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản từ ngày.... tháng.... năm…… đến ngày tháng.... năm....**

***II.1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:……. ngày... tháng.... năm………..***

*A. Thông tin về giấy phép khai thác khoáng sản*

1. Loại khoáng sản được phép khai thác………………………..;

2. Cơ quan cấp phép………………………….;

3. Diện tích khu vực khai thác:……………..(m2, ha, km2);

4. Phương pháp khai thác:…………………… (lộ thiên, hầm lò);

5. Độ cao khai thác: từ ………………m, đến ………………m;

6. Trữ lượng được phép khai thác:

- Trữ lượng địa chất ……….(tấn, m3),

- Trữ lượng khai thác ………(tấn, m3);

7. Công suất được phép khai thác: ………… (tấn/năm, m3/năm, m3/ngày, đêm);

8. Thời hạn giấy phép: .... (tháng, năm);

9. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)……… (VND); *Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số…… ngày... tháng....năm... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố....*

10. Vị trí mỏ: thôn………., xã………, huyện………, tỉnh……….;

*B. Hoạt động khai thác khoáng sản*

11. Tổng vốn đầu tư:…………………(VND);

12. Tổng tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản ……….(VND).

13. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế trong năm báo cáo tính đến 31/12: …….(tấn, m3);

14. Giá thành khai thác trung bình trong năm: ………..(VND/tấn, m3);

15. Hệ số tổn thất trong khai thác: thiết kế/thực tế: …………….;

16. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản nguyên khai đưa vào chế biến: …………. (tấn, m3);

- Khối lượng, hàm lượng khoáng sản sau chế biến: …………. (tấn, m3);

- Khối lượng sản phẩm phụ thu hồi được: ……….. (tấn, m3);

17. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có): ………. (tấn, m3);

18. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong năm: …… (tấn, m3);

19. Tổng doanh thu: …………… (VND);

20. Nộp ngân sách Nhà nước: ………….. (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên: ………….. (VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản ………… (VND);

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: .... (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).

- Khác (nếu có): ......

21. Tiền ký quỹ phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...(VND).

22. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản: ………….. (VND);

*C. Tình hình thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi khai thác*

23. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản…………;

24. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm…………;

25. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...)……….;

26. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ……)……..;

27. Bảo vệ môi trường trong khai thác/phục hồi môi trường sau khai thác...

*D. Đánh giá chung*

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong năm báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

***II.2. Giấy phép khai thác khoáng sản số:...ngày...tháng....năm...(nếu có)***

(Nội dung báo cáo như Mục 1 nêu trên)……….

………………………..

**III. Đề xuất, kiến nghị**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Tổ chức, cá nhân** (Ký tên, đóng dấu) |

*(Ghi chú: Tổ chức, cá nhân có từ một (01) giấy phép khai thác trở lên chỉ lập một (01) báo cáo này; trong đó, Mục I và Mục III là phần báo cáo chung; Mục II báo cáo riêng cho từng giấy phép)*

|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH..... | Mẫu số 25 - Phụ lục số 2 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

